**Ngày soạn: Người thực hiện:**

**Tiết pp:**

**Tiết 35 : ÔN TẬP HỌC KÌ I**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- Biết cách hệ thống hóa kiến thức của từng chương

- Xây dựng sơ đồ tư duy để ôn tập kiến thức

- Trả lời được các câu hỏi ôn tập cho từng chương và các câu hỏi tổng hợp.

- Trình bày được các đặc trưng cơ bản của sản xuất lâm nghiệp.

- Phân tích được một số nguyên nhân chủ yếu làm suy thoái tài nguyên rừng và giải pháp khắc phục.

- Trình bày được vai trò, nhiệm vụ của việc trồng và chăm sóc rừng.

- Phân tích được quy luật sinh trưởng, phát triển của cây rừng.

- Mô tả được kĩ thuật trồng và chăm sóc rừng

- Trình bày được ý nghĩa, nhiệm vụ của việc bảo vệ và khai thác tài nguyên rừng bền vững.

- Mô tả được một số biện pháp bảo vệ và khai thác tài nguyên rừng phổ biến.

- Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến môi trường nuôi thủy sản

**-** Vận dụng kiến thức công nghệ vào giải quyết vấn đề thực tiễn.

**2. Về năng lực**

***a) Năng lực chung:***

Năng lực Yêu cầu cần đạt của học sinh

Năng lực tự chủ và tự học

- Chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.

- Tìm kiếm, đánh giá và lựa chọn được nguồn tài liệu phù hợp với nhiệm vụ học tập.

Năng lực giao tiếp và hợp tác

- Xác định được mục đích giao tiếp phù hợp với đối tượng và ngữ cảnh giao tiếp.

- Biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với các loại phương tiện phi ngôn ngữ đa dạng để trình bày thông tin, ý tưởng.

- Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm.

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Biết xác định và làm rõ thông tin mới từ các nguồn thông tin khác nhau.

- Phân tích được tình huống trong học tập, biết đặt câu hỏi có giá trị. Sẵn sàng xem xét, đánh giá lại vấn đề.

***b) Năng lực đặc thù (Năng lực sinh học):***

Năng lực Yêu cầu cần đạt của học sinh

Nhận thức công nghệ:

- Nêu được đặc điểm của các loại bằng chứng tiến hóa

- Tóm tắt được các giai đoạn tiến hóa của sinh giới trên trái đất

- Phân biệt được quần thể và quần xã sinh vật

- Trình bày được khái niệm,thành phần, các đặc trưng cơ bản của quần thể, quần xã sinh vật và hệ sinh thái.

Tìm hiểu thế giới sống:

- Đề xuất vấn đề liên quan đến thế giới sống: Đặt ra được các câu hỏi liên quan đến vấn đề, phân tích được bối cảnh để đề xuất vấn đề, dùng ngôn ngữ của mình để biểu đạt được vấn đề đã đề xuất.

Vận dụng kiến thức,

- Giải thích thực tiễn: Giải thích hiện tượng thường gặp trong kĩ năng đã học cuộc sống.

- Có hành vi, thái độ thích hợp: Đề xuất, thực hiện được một số giải pháp để sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên.

**3. Về phẩm chất**: Phẩm chất Yêu cầu cần đạt của học sinh

Yêu nước - Tự giác thực hiện và vận động người khác thực hiện các quy định của pháp luật, góp phần bảo vệ và xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Nhân ái - Quan tâm đến mối quan hệ hài hòa với những người khác.

- Cảm thông, độ lượng với những hành vi, thái độ có lỗi của người khác.

Chăm chỉ - Tích cực tìm tòi và sáng tạo trong học tập, có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả tốt trong học tập.

Trung thực - Nhận thức và hành động theo lẽ phải.

Trách nhiệm - Tích cực, tự giác và nghiêm túc rèn luyện, tu dưỡng đạo đức của bản thân

- Sẵn sàng chịu trách nhiệm về những lời nói và hành động của bản thân.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- Phiếu học tập và đáp án.

- Bảng phụ.

- Giáo án, sách giáo khoa.

- Tài liệu tham khảo

. - Máy chiếu

**III. Tiến trình dạy học**

*HD1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG*

|  |
| --- |
| **a, Mục tiêu:**  - Kích thích học sinh hứng thú tìm hiểu bài học mới.  - Gợi nhớ lại kiến thức đã học trong trồng, chăm sóc bảo vệ rừng và môi trường thủy sản  **b) Nội dung:**  - Học sinh hoàn thành trò chơi ”Nhanh như chớp” với các câu hỏi ”Nêu tên các phương pháp khai thác, bảo quản thủy sản”  **c) Sản phẩm**:  - Học sinh sôi nổi tham gia để hoàn thành đáp án của câu hỏi là các biện pháp bảo quản thủy sản.  - Giáo viên đặt vấn đề: Đáp án các em vừa trả lời là những nội dung chúng ta đã được học trong phần I –V , hôm nay chúng ta tiếp tục tìm hiểu và ôn tập về 5 chương của phần này  **d) Tổ chức thực hiện**:  - Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV: Chia lớp làm 4 nhóm, yêu cầu mỗi nhóm sẽ nêu tên một nội dung đã được học trong chương 5 trong 10 giây, xoay vòng từ tổ 1 ⟶ 2 ⟶ 3 ⟶ 4 đến khi không còn đáp án. Lưu ý là phải gấp hết vở, sách và các đáp án không được trùng nhau, đến tổ trả lời mà hết 10 giây không trả lời được thì chuyển sang tổ tiếp theo. HS: Thảo luận nhanh trong nhóm và cử đại điện trình bày.  - Bước 2. Theo dõi, hướng dẫn: Nhắc thời gian thực hiện và nhắc nhở HS trả lời, gợi ý  - Bước 3. Kiểm tra, đánh giá: Ghi lại số lần trả lời đúng của mỗi nhóm, nhận xét, cho điểm cộng |

HD2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

|  |  |
| --- | --- |
| **a, Mục tiêu**  - Nêu được đặc điểm của các phương pháp bảo vệ và khai thác tài nguyên rừng bền vững  - Tóm tắt được các giai đoạn trong bảo quản , khai thác thủy sản  - Phân biệt được một số phương thức nuôi thủy sản ở Việt Nam  - Trình bày được khái niệm, các đặc trưng cơ bản của ứng dụng công nghệ sinh học trong xử lí môi trường nuôi thủy sản  **b, Nội dung**  - Học sinh thảo luận nhóm chốt lại kiến thức phiếu học tập cá nhân đã hoàn thành ở nhà, hoàn thành bảng phụ dán lên bảng.  **c) Sản phẩm:**  - Kết quả nội dung phiếu học tập   |  | | --- | | ****I. MỘT SỐ BIỆN PHÁP BẢO VỆ TÀI NGUYÊN RỪNG****1. Nâng cao ý thức bảo vệ rừng - Tuyên truyền về vai trò, giá trị của rừng trong việc:  + Ứng phó với biến đổi khí hậu.  + Giá trị kinh tế, xã hội.  + Bảo đảm quốc phòng, an ninh.  - Đẩy mạnh công tác tuyên truyền.  - Giáo dục ý thức, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân.  - Chấp hành pháp luật về lâm nghiệp và công tác bảo vệ phát triển rừng. 2. Trồng cây - Cây xanh trồng ở khu vực đô thị và nông thôn tạo ra nguồn gỗ cung cấp nhu cầu của con người.  → Giảm nhu cầu khai thác gỗ từ rừng, giúp bảo vệ tài nguyên rừng.  - Cây xanh được trồng trong khuôn viên các trụ sở, trường học, bệnh viện, nhà máy, xí nghiệp, khu công nghiệp, khu chế xuất, các công trình tín ngưỡng,... 3. Ngăn chặn các hành vi làm suy thoái tài nguyên rừng - Nghiêm cấm các hành vi phá hoại tài nguyên rừng.  - Tăng cường công tác tuần tra, giám sát để kịp thời phát hiện và ngăn chặn các hành vi:  + Chặt phá rừng.  + Khai thác rừng trái quy định đốt nương làm rẫy.  + Săn bắt thú rừng trái phép.  - Làm hàng rào bảo vệ rừng và phòng trừ sinh vật gây hại rừng. 4. Phòng chống cháy rừng - Tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy rừng.  - Thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng chống cháy rừng.  + Lắp đặt các biển báo ở khu vực có nguy cơ cao cháy rừng.  + Tăng cường kiểm tra, hướng dẫn, tập huấn nâng cao nhận thức về an toàn phòng cháy, chữa cháy rừng cho chủ rừng và người dân.  + Chủ động các phương tiện, dụng cụ phòng cháy, chữa cháy rừng,... 5. Xây dựng và bảo vệ các khu bảo tồn thiên nhiên - Khu bảo tồn thiên nhiên là khu vực địa lí được xác lập ranh giới và phân khu chức năng để bảo tồn đa dạng sinh học.  - Khu bảo tồn thiên nhiên có 4 loại:  + Vườn quốc gia.  + Khu dự trữ thiên nhiên.  + Khu bảo tồn loài - sinh cảnh.  + Khu bảo vệ cảnh quan.  - Xây dựng và bảo vệ các khu bảo tồn thiên nhiên sẽ:  + Góp phần quan trọng trong bảo vệ tính nguyên vẹn của hệ mình thái.  - Bảo tồn đa dạng sinh học.  + Giáo dục môi trường, nghiên cứu khoa học,... 6. Chính sách và luật bảo vệ, phát triển rừng - Có chính sách đầu tư cho việc bảo vệ và phát triển rừng gắn liền, đồng bộ với các chính sách kinh tế - xã hội khác.  - Đầu tư cho các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ.  - Đầu tư cơ sở vật chất, kĩ thuật và trang bị phương tiện phục vụ chữa cháy rừng, phòng trừ sinh vật gây hại rừng.  - Có chính sách hỗ trợ việc bảo vệ và làm giàu rừng sản xuất là rừng tự nhiên nghèo, trồng rừng sản xuất gỗ lớn, gỗ quý, cây đặc sản.  - Khuyến khích tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nhận đất phát triển rừng ở những vùng đất trồng, đồi núi trọc. II. ****TRIỂN VỌNG VÀ XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN THUỶ SẢN****1. Triển vọng phát triển thuỷ sản Việt Nam **a. Phát triển nhờ lợi thế của điều kiện tự nhiên**  - Nước ta có bờ biển dài hơn 3 260 km, vùng đặc quyền kinh tế rộng lớn, nguồn thuỷ sản khá phong phú.  - Dọc bờ biển có nhiều vũng – vịnh, đầm phá, rừng ngập mặn có khả năng nuôi trồng thuỷ sản nước mặn, lợ.  - Trong đất liền có hệ thống sông, suối, kênh rạch,... có thể nuôi thuỷ sản nước ngọt.  - Năm 2030 và tầm nhìn 2045, phát triển thuỷ sản thành ngành kinh tế quan trọng của quốc gia.  - Xây dựng các làng cá ven biển, đảo thành các cộng đồng dân cư văn minh gắn với xây dựng nông thôn mới.  **b. Phát triển để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của con người**  Theo báo cáo của FAO:  - Tiêu thụ thuỷ sản bình quân đầu người trên thế giới tăng từ 9 kg trong năm 1961 lên 20,5 kg trong năm 2018, tăng trưởng khoảng 1,5%/năm.  - Dự báo đến năm 2030, tiêu thụ thuỷ sản thế giới sẽ tăng 18% (khoảng 28 triệu tấn) so với năm 2018.  - Đặt mục tiêu đến năm 2030, tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất thuỷ sản đạt khoảng 3,0 - 4,0%/năm.  **c. Phát triển nhờ chính sách hội nhập ngày càng sâu rộng của Việt Nam**  - Việt Nam có nhiều loài thuỷ sản có khả năng xuất khẩu, giá trị xuất khẩu có xu hướng gia tăng.  - Tính đến năm 2022, Việt Nam đã:  + Kí hiệp định thương mại tự do (FTA) với nhiều nước trên thế giới.  + Kí kết nhiều hiệp định thương mại khác với hầu hết các quốc gia trên thế giới.  - Trong tương lai, thuỷ sản Việt Nam sẽ có cơ hội xuất khẩu ra nhiều nước trên thế giới.  - Thuỷ sản Việt Nam đặt mục tiêu:  + Năm 2030 tăng giá trị xuất khẩu sản phẩm thuỷ sản chế biến giá trị kim ngạch xuất khẩu đạt khoảng 14 - 16 tỉ USD/năm.  + Năm 2045 trở thành một trong ba nước sản xuất và xuất khẩu thuỷ sản dẫn đầu thế giới. ****III. MỘT SỐ PHƯƠNG THỨC NUÔI THUỶ SẢN Ở VIỆT NAM****1. Nuôi trồng thuỷ sản quảng canh - Là hình thức nuôi dựa hoàn toàn vào nguồn thức ăn và con giống trong tự nhiên.  - Diện tích ao, đầm nuôi rất lớn, ít được đầu tư về cơ sở vật chất, mật độ nuôi thấp.  - Hiện nay, mô hình này thường bị hạn chế do:  + Diện tích nuôi quảng canh bị thu hẹp.  + Hiệu quả kinh tế thấp.  - Ưu điểm:  + Không cần chi phí đầu tư cho con giống và thức ăn.  + Ít chịu rủi ro về vấn đề dịch bệnh và ô nhiễm môi trường.  + Giá bán sản phẩm cao hơn sản phẩm từ các phương thức nuôi khác.  - Nhược điểm:  + Năng suất và sản lượng thấp.  + Quản lí và vận hành sản xuất khó khăn. 2. Nuôi trồng thuỷ sản bán thâm canh - Là phương thức nuôi trồng thuỷ sản trong điều kiện kiểm soát được một phần quá trình tăng trưởng và sản lượng của loài thuỷ sản nuôi.  - Sự tăng trưởng của loài thuỷ sản nuôi phụ thuộc vào nguồn:  + Thức ăn tự nhiên.  + Thức ăn nhân tạo.  - Ưu điểm:  + Dễ dàng vận hành, quản lí phù hợp với điều kiện kinh tế của người nuôi.  + Mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn so với nuôi quảng canh.  - Nhược điểm:  + Chưa áp dụng công nghệ cao.  + Năng suất thấp hơn phương thức nuôi thâm canh. 3. Nuôi trồng thuỷ sản thâm canh - Là phương thức nuôi trồng thuỷ sản trong điều kiện kiểm soát quá trình tăng trưởng và sản lượng của loài thuỷ sản nuôi.  - Phương thức nuôi trồng thủy sản thông qua việc:  + Cung cấp giống nhân tạo.  + Thức ăn công nghiệp.  + Nguồn nước cấp và thoát chủ động.  - Môi trường nuôi được quản lí nghiêm ngặt, có sự hỗ trợ của các trang thiết bị phục vụ nuôi thuỷ sản.  - Ưu điểm:  + Áp dụng nhiều công nghệ tiên tiến trong quản lí và vận hành.  + Năng suất và hiệu quả kinh tế cao.  - Nhược điểm:  + Vốn đầu tư lớn.  + Rủi ro cao nếu người nuôi không nắm vững kiến thức và kĩ thuật. ****IV. CÁC YÊU CẦU CHÍNH CỦA MÔI TRƯỜNG NUÔI THUỶ SẢN****1. Yêu cầu về thuỷ lí a. Nhiệt độ nước  Động vật thuỷ sản là  + Động vật biến nhiệt.  + Thân nhiệt thay đổi theo nhiệt độ của môi trường.  - Nhiệt độ môi trường nuôi ảnh hưởng trực tiếp đến các hoạt động sống quan trọng của động vật thuỷ sản.  - Mỗi loài thuỷ sản sẽ có yêu cầu về nhiệt độ môi trường nuôi khác nhau.  - Khi nuôi thuỷ sản cần quan tâm đến nhiệt độ của môi trường nuôi để xác định loài thuỷ sản nuôi phù hợp.  + Cá rô phi nhiệt độ thích hợp từ 25 - 30°C.  + Cá chép nhiệt độ thích hợp từ 23 - 28°C.  b. Độ trong và màu nước  - Độ trong của nước có liên quan đến một số yếu tố như:  + Các hạt sét lơ lửng.  + Sự phân tán của sinh vật phù du.  + Các chất hữu cơ dạng hạt.  - Độ trong của nước tác động đến sự truyền ánh sáng trong nước cũng như sự quang hợp.  - Độ trong thấp:  + Ngăn cản sự quang hợp của sinh vật phù du.  + Giảm lượng oxygen trong ao.  - Độ trong quá cao:  + Sinh vật phù du kém phát triển sẽ hạn chế nguồn thức ăn tự nhiên của động vật thuỷ sản.  - Mỗi loài có yêu cầu về độ trong của nước ao nuôi khác nhau:  + Các loài cá từ 20 cm đến 30 cm.  + Tôm từ 30 cm đến 45 cm.  - Màu nước nuôi phù hợp nhất cho các loài thuỷ sản nước ngọt là màu xanh nhạt.  - Đối với các loài thuỷ sản nước lợ, mặn, màu nước nuôi thích hợp là vàng nâu.  - Các màu nước không phù hợp cho nuôi thuỷ sản như:  + Màu xanh rêu,  + Màu vàng cam,  + Màu đỏ gạch. | |
| **d) Tổ chức thực hiện:**  - Bước 1. Hướng dẫn:  GV: Chia lớp thành 5 nhóm, yêu cầu mỗi nhóm hoàn thành 1 nội dung trong phiếu học tập theo thứ tự từ nội dung I đến V. ( PHT đã được HS chuẩn bị trước ở nhà)  N1: Trình bày **một số biện pháp bảo vệ tài nguyên rừng** N2: Nêu các triển vọng phát triển thuỷ sản Việt Nam N3: Phân biệt các ưu nhược điểm về các phương thức nuôi thủy sản ở VN  N4: Trình bày rõ các **yêu cầu chính của môi trường nuôi thuỷ sản**  HS: Thảo luận nhóm, thực hiện hoàn thiện bảng phụ.  - Bước 2. Hỗ trợ: GV: Sử dụng kỹ thuật mảnh ghép, 4 nhóm cũ được phát các số ( A, B, C, D). Sau đó các HS có cùng chữ cái được đưa về 1 nhóm. Theo dõi hoạt động các nhóm, hướng dẫn và gợi ý các em hoàn thành bảng phụ.  HS: Thực hiện hoàn thành bảng phụ và dán lên bảng.  - Bước 3. Kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện hoạt động của học sinh:  GV: Dựa trên sản phẩm màHS cần trình bày được GV nhận xét, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ.  HS: Quan sát, chú ý lắng nghe, sửa nội dung chưa chính xác và chưa làm được vào PHT cá nhân |

HD3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

|  |  |
| --- | --- |
| **a) Mục tiêu:**  - Củng cố lại kiến thức vừa học.  - Biết cách hệ thống hóa kiến thức của từng chương –  Xây dựng sơ đồ grap để ôn tập kiến thức  - Trả lời được các câu hỏi ôn tập cho từng chương và các câu hỏi tổng hợp.  **b,Nội dung:**  - GV yêu cầu các nhóm vẽ sơ đồ grap cho các chương đã học  - GV đưa ra tình huống có câu hỏi trắc nghiệm.  - HS vẽ sơ đồ grap, làm bài tập và câu hỏi trắc nghiệm theo nhóm(4 nhóm).  **c, Sản phẩm**  - Câu trả lời của HS: Đáp án câu hỏi trắc nghiệm   |  | | --- | | **Câu 1:** Lâm nghiệp là ngành  A. kinh tế - xã hội.  B. nông nghiệp - thủy sản.  C. xã hội - môi trường.  D. kinh tế - kĩ thuật.  **Câu 2:** Lâm nghiệp mang lại nguồn thu nhập chính giúp ổn định đời sống của  A. đồng bào các dân tộc miền núi.  B. người dân vùng đồng bằng.  C. đồng bào các dân tộc khu vực Tây Nguyên  D. người dân khu vực trung du và miền núi.  **Câu 3:**Đối tượng của sản xuất lâm nghiệp là gì?  A. Cây rừng có chu kì sống ngắn.  B. Cây rừng có chu kì sống dài.  C. Các loài động vật quý hiếm.  D. Đất trồng rừng.  **Câu 4:**Trong một chu kì sản xuất, hoạt động sản xuất lâm nghiệp tập trung nhiều vào thời gian nào?  A. Những năm giữa và năm cuối.  B. Những năm giữa.  C. Những năm đầu và năm cuối.  D. Những năm đầu.  **Câu 5:** Sản xuất lâm nghiệp được tiến hành chủ yếu ở đâu?  A. Rừng.  B. Cơ sở sản xuất.  C. Nhà máy.  D. Đồng bằng.  **Câu 6:**Đề án phát triển ngành Công nghiệp Chế biến gỗ bền vững có hiệu quả trong giai đoạn nào?  A. 2020 – 2030.  B. 2021 – 2030.  C. 2021 – 2050.  D. 2030 – 2050.  **Câu 7:**Thời gian của đối tượng sản xuất lâm nghiệp có thể kéo dài bao lâu?  A. Hàng tháng.  B. Hàng tuần.  C. Hàng ngày.  D. Hàng chục năm.  **Câu 8:** Vai trò chủ yếu của trồng rừng phòng hộ đầu nguồn là  A. giúp chắn gió, chắn cát bay, ngăn chặn sự xâm nhập mặn của nước biển.  B. giúp phục hồi hệ sinh thái, phủ xanh đất trống, đồi núi trọc. C. điều tiết nguồn nước cho các dòng chảy, hạn chế xói mòn. D. cung cấp gỗ và lâm sản cho con người.  **Câu 9:** Đâu **không** phải đặc trưng cơ bản của sản xuất lâm nghiệp?  A. Đối tượng là các cơ thể sống, có chu kì sinh trưởng dài.  B. Địa bàn rộng lớn, khó khăn về giao thông và cơ sở vật chất.  C. Ngành sản xuất đa dạng sản phẩm và có nhiều lợi ích đặc thù. D. Mang tính thời vụ ngắn. **Câu 10:**Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đặt ra mục tiêu đến năm 2025 số hộ miền núi, người dân tộc thiểu số sống ở vùng có rừng tham gia sản xuất lâm nghiệp hàng hóa đạt tỉ lệ bao nhiêu? A. 50%. B. 80%.  C. 100%.  D. 30%.  **Câu 11:**Trồng rừng phòng hộ xung quanh các điểm dân cư, khu công nghiệp, khu đô thị có vai trò chủ yếu là A. giúp điều hoà không khí, bảo vệ môi trường sinh thái trong khu vực đó. B. cung cấp nguyên liệu gỗ cho một số ngành sản xuất trong khu vực.  C. điều tiết nguồn nước cho các dòng chảy, hạn chế xói mòn.  D. chắn cát để bảo vệ đường giao thông và tạo môi trường sống cho các động vật hoang dã.  **Câu 12:** Phát biểu nào sau đây là **sai** khi nói về đặc trưng cơ bản của sản xuất lâm nghiệp? A. Đảm bảo lao động có mức thu nhập ngang bằng bình quân chung cả nước. B. Nguồn nhân lực cho ngành lâm nghiệp đòi hỏi chất lượng ngày càng cao.  C. Trong tương lai, ngành lâm nghiệp sẽ phát triển mạnh mẽ.  D. Lâm nghiệp đóng góp cho hoạt động nghiên cứu khoa học, giáo dục.  **Câu 13:** Máy cơ giới trong hình ảnh sau có công dụng gì?  https:</b>//changfengvn.com/wp-content/uploads/2019/08/may-ep-van-go.jpg  A. Máy sản xuất dăm gỗ.  B. Máy thu gom gỗ.  C. Máy cưa gỗ. D. Máy làm ván ép. **Câu 14:** Theo báo cáo của Tổng cục Lâm nghiệp, năm 2022 cả nước ta đã khai thác được A. 19,7 triệu m3 gỗ. B. 15,85 triệu m3 gỗ.  C. 16,93 triệu m3 gỗ.  D. 6,1 triệu m3 gỗ.  **Câu15:** Vì sao rừng lại có vai trò quan trọng trong bảo tồn đa dạng sinh học? A. Rừng là môi trường sống của nhiều loài động vật, thực vật, vi sinh vật. B. Rừng sinh ra nhiều nguồn gene mới.  C. Rừng có khả năng làm sạch không khí cho các loài động vật sinh sống.  D. Rừng có thể cung ứng dịch vụ du lịch.  **Câu 16:** Hình ảnh dưới đây phù hợp với vai trò nào của lâm nghiệp?  https:</b>//vimed.org/wp-content/uploads/2020/09/nam-linh-chi-3.jpg  A. Cung cấp lâm sản, đặc sản cây công nghiệp cho tiêu dùng và xuất khẩu.  B. Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp, nông nghiệp và xây dựng cơ bản.  C. Tạo công ăn việc làm, ổn định đời sống của đồng bào các dân tộc miền núi. D. Cung cấp dược liệu quý phục vụ nhu cầu chữa bệnh và nâng cao sức khoẻ cho con người. **Câu 17:** Bạn Minh là người có sức khỏe tốt, chăm chỉ, chịu khó; yêu thích sinh vật, yêu lao động; có khả năng sử dụng, vận hành các thiết bị, máy móc trong trồng, chăm sóc, khai thác và bảo vệ rừng; tuân thủ an toàn lao động và tuân thủ các công ước liên quan đến thủy sản. Phẩm chất nào của bạn Minh **không** phù hợp với ngành nghề trong lâm nghiệp?  A. Có sức khỏe tốt, chăm chỉ và chịu khó.  B. Có khả năng sử dụng, vận hành các thiết bị, máy móc trong trồng, chăm sóc, khai thác và bảo vệ rừng.  C. Yêu thích sinh vật, yêu lao động. D. Tuân thủ an toàn lao động và tuân thủ các công ước liên quan đến thủy sản. **Câu 18:**Sản phẩm nào sau đây**không** phải từ lâm nghiệp?  A. Sâm Ngọc Linh.  B. Giấy.  C. Ngọc trai.  D. Gỗ.  **Câu 19:**Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đặt ra mục tiêu tỉ lệ lao động làm việc trong lâm nghiệp được đào tạo nghề đạt 45% vào năm nào?  A. 2021.  B. 2025.  C. 2030.  D. 2050.  **Câu 20:** Vai trò chủ yếu của trồng rừng phòng hộ đầu nguồn là  A. giúp chắn gió, chắn cát bay, ngăn chặn sự xâm nhập mặn của nước biển.  B. giúp phục hồi hệ sinh thái, phủ xanh đất trống, đồi núi trọc.  C. điều tiết nguồn nước cho các dòng chảy, hạn chế xói mòn.  D. cung cấp gỗ và lâm sản cho con người.  **Câu 21:** Đâu **không** phải đặc trưng cơ bản của sản xuất lâm nghiệp?  A. Đối tượng là các cơ thể sống, có chu kì sinh trưởng dài.  B. Địa bàn rộng lớn, khó khăn về giao thông và cơ sở vật chất.  C. Ngành sản xuất đa dạng sản phẩm và có nhiều lợi ích đặc thù.  D. Mang tính thời vụ ngắn.  **Câu 22:**Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đặt ra mục tiêu đến năm 2025 số hộ miền núi, người dân tộc thiểu số sống ở vùng có rừng tham gia sản xuất lâm nghiệp hàng hóa đạt tỉ lệ bao nhiêu?  A. 50%.  B. 80%.  C. 100%.  D. 30%.  **Câu 23:**Trồng rừng phòng hộ xung quanh các điểm dân cư, khu công nghiệp, khu đô thị có vai trò chủ yếu là  A. giúp điều hoà không khí, bảo vệ môi trường sinh thái trong khu vực đó.  B. cung cấp nguyên liệu gỗ cho một số ngành sản xuất trong khu vực.  C. điều tiết nguồn nước cho các dòng chảy, hạn chế xói mòn.  D. chắn cát để bảo vệ đường giao thông và tạo môi trường sống cho các động vật hoang dã.  **Câu 24:** Phát biểu nào sau đây là **sai**khi nói về chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050?  A. Đến năm 2030 thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số bằng ½ bình quân chung của cả nước.  B. Đến năm 2025, mức thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số làm lâm nghiệp tăng 2 lần so với năm 2021.  C. Tỉ lệ lao động làm nghiệp trong lâm nghiệp được đào tạo nghề đạt 45% vào năm 2025.  D. Đến năm 2050, góp phần quan trọng vào xây dựng đất nước Việt Nam an toàn và thịnh vượng.  **Câu 25:** Bảo vệ rừng là nhiệm vụ của ai?  A. Toàn dân.  B. Chủ rừng.  C. Lãnh đạo các cấp, các ngành. D. Tất cả mọi người, tất cả quốc gia trên thế giới. **B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM ĐÚNG - SAI (2 câu)**  **Câu 1:** Với hiện trạng các nguồn nhiên liệu như than, xăng, dầu… đang ngày càng cạn kiệt, nhu cầu tìm kiếm các nguyên vật liệu thay thế trở nên cấp bách ở bất cứ quốc gia nào. Trong đó, viên nén gỗ được xem là một vật liệu thay thế có nhiều ưu điểm là nguyên liệu sẵn có, dồi dào và chi phí rẻ. Đặc biệt, với những tiến bộ khoa học trong sản xuất viên nén gỗ nâng cấp nhiệt, khiến nó trở thành một giải pháp thay thế rất khả quan cho nhiên liệu than đá truyền thống trong sản xuất năng lượng.  https://tech12h.com/sites/default/files/ck5/2024-05/22/image_760b20a75a0.png  Mỗi nhận định dưới đây là Đúng hay sai về viên gỗ nén.  a. Viên gỗ nén là một sản phẩm của ngành lâm nghiệp.  b. Viên gỗ nén có vai trò cung cấp nhiệt có thể thay thế hoàn toàn xăng, dầu trong mọi trường hợp.  c. Việt Nam có tiềm năng sản xuất viên gỗ nén vì diện tích rừng rộng lớn.  d. So với các loại nhiên liệu khí như gas hoặc dầu, viên nén gỗ yêu cầu dung tích lớn hơn để lưu trữ và vận chuyển.  **Đáp án**  a - Đ  b - S  c - Đ  d - Đ  **Câu 2:**Trà Mi, Trà Bồng là hai vùng từ lâu đã nổi tiếng với việc trồng quế cả về sản lượng lẫn chất lượng cây quế rừng. Tất cả bộ phận của cây quế như vỏ, lá, hoa, gỗ, rễ đều có thể dùng được. Nhưng người ta chủ yếu thu hoạch vỏ quế, cành quế hay lá để phơi khô hoặc cất tinh dầu.  Mỗi nhận định dưới đây là Đúng hay sai về rừng quế?  a. Rừng quế mang nhiều giá trị kinh tế cho người dân.  b. Chỉ có thể trồng quế ở Trà Mi, Trà Bồng.  c. Rừng quế chỉ mang lợi ích kinh tế nhưng không mang giá trị về hệ sinh thái.  d. Quế mà một lâm sản mang giá trị dược phẩm cũng như kinh tế nên có thể áp dụng thay thế cho rừng ở các địa phương khác như vùng Tây Nguyên, vùng núi phía Đông Bắc,...  **Đáp án**  a - Đ  b - S  c - S  d - Đ  … | |
| **d) Tổ chức thực hiện**:  - Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV: Chia lớp làm 8 nhóm, phát PHT cho các nhóm. HS: Thảo luận nhanh trong nhóm và cử đại điện trình bày  - Bước 2. Theo dõi, hướng dẫn: Nhắc thời gian thực hiện và nhắc nhở HS trả lời, gợi ý.  - Bước 3. Kiểm tra, đánh giá: HS thảo luận, trả lời câu hỏi trắc nghiệm |

HD4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG MỞ RỘNG

|  |
| --- |
| **a, Mục tiêu:**  -Tạo cơ hội cho HS vận dụng kiến thức và kĩ năng có được vào các tình huống, bối cảnh mới ,nhất là vận dụng vào thực tế cuộc sống.  -Rèn luyện năng lực tư duy, phân tích.  **b, Nội dung:**  GV yêu cầu HS tìm hiểu về các hệ sinh thái  Giải thích vì sao nhiệt độ của nước nuôi thủy sản lại có ảnh hưởng trực tiếp đến hô hấp, tiêu hóa, sinh sản,.. của động vật thủy sản  **c, Sản phẩm:** Câu trả lời của HS  **d) Tổ chức thực hiện:**  - Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV: Chia lớp làm các nhóm theo bàn, yêu cầu các nhóm tìm hiểu thông tin HS: Thảo luận nhanh trong nhóm và cử đại điện trình bày.  - Bước 2. Theo dõi, hướng dẫn: Nhắc thời gian thực hiện và nhắc nhở HS trả lời, gợi ý.  - Bước 3. Kiểm tra, đánh giá: nội dung tìm hiểu về môi trường nuôi thủy sản |